

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày: 12/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Liễu

Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST- HS ngày 03 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Đức N - sinh năm 1983, tại phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: khu phố An Chính, phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Đức C và bà: Trương Thị T; Gia đình có 4 anh chị em – Bị cáo là con thứ 4; Vợ Nguyễn Thị Thùy – Đã ly thân; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2012, trộm cắp tài sản tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, bị xử phạt 15 tháng tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 21/01/2020.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm - Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H – SN 1977;

Địa chỉ: Kp. Hồng Hải, P. Quảng Vinh, Tp. Sầm Sơn, Thanh Hóa

Người làm chứng: Anh Lê Văn N, chị Phạm Thị I, anh Văn Đình N, anh Lê Quang A.

Địa chỉ: Kp. Hồng Hải, P. Quảng Vinh, Tp. Sầm Sơn, Thanh Hóa

(Người bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 11/01/2020, bị cáo Đỗ Đức N, đi cùng Lê Văn N sinh năm 1982 ở khu phố Đồn Trại, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, đến khu vực phường Quảng Vinh, thành phố Sầm Sơn để tìm mua ma túy sử dụng, khi đi đến đoạn đường 4C, thuộc khu phố Hồng Hải, phường Quảng Vinh, thành phố Sầm Sơn để vào mua thuốc lá, khi Đỗ Đức N đi vào trong cửa hàng gặp chị L (chủ cửa hàng) hỏi mua thuốc lá, lúc này bên trong cửa hàng có chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, ở cùng khu phố Hồng Hải, phường Quảng Vinh là khách mua hàng đang để một ví da màu đỏ trên mặt bàn quầy thanh toán, chị L cúi người xuống lấy thuốc lá cho N, cùng lúc đó chị H quay người ra hướng khác mặc áo chống nắng để ra về. Lợi dụng sơ hở, N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví của chị H, Nam dùng tay trái cầm chiếc ví lên, cùng lúc này chị H quay người lại nhìn thấy và tri hô “trộm”. Bị phát hiện, N hoảng sợ vút lại chiếc ví rồi bỏ chạy, chị H với tay túm vào vai áo làm N ngã xuống sàn nhà, sau đó N vùng dậy bỏ chạy ra ngoài đường được khoảng 150m thì bị anh Văn Đình N, anh Lê Quang A cùng ở khu phố Hồng Hải và một số người dân xung quanh đuổi kịp, sau đó bàn giao cho Công an phường Quảng Vinh tiếp nhận và giải quyết.

Tài sản trộm cắp gồm 01 ví da màu đỏ kích thước 10cm x 20cm. Mặt ngoài ví da in chữ Forever young Originally from Korean, bên trong có 01 điện thoại Samsung J7 màu xám bạc, đã qua sử dụng và 1.355.000 đồng tiền mặt gồm: 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng, ba tờ mệnh giá 50.000 đồng; 03 tờ mệnh giá 20.000 đồng; bốn tờ mệnh giá 10.000 đồng, và 01 tờ mệnh giá 5.000 đồng.

Kết luận giám định số 03/KL-HĐĐG ngày 14/01/2020, của Hội đồng định giá tài sản Sầm Sơn kết luận: 01 ví da trị giá 150.000 đồng, 01 điện thoại samsung J7, trị giá 2.000.000 đồng., tổng giá trị trộm cắp cả tiền VNĐ là 3.505.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trộm cắp cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số 14 ngày 01/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố Đỗ Đức N về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tuyên bố: Đỗ Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Đề nghị xử phạt: Đỗ Đức N từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

Người báo chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại đã được nhận lại tài sản bị trộm cắp và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo là người đang bị nhiễm HIV, bố bị cáo là người có công với cách mạng. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về phần thủ tục tố tụng*: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc thu thập chứng cứ, ban hành các quyết định là khách quan, toàn diện và đầy đủ. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2]. *Xét lời khai của bị cáo*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Đỗ Đức N khai nhận do lợi dụng sơ hở của người bị hại nên vào khoảng 14 giờ ngày 11/01/2020 bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 ví da màu đỏ bên trong có 01 điện thoại Samsung J7 màu xám bạc đã qua sử dụng và 1.355.000 đồng tiền mặt của chị Nguyễn Thị H. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.505.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người làm chứng. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và

hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát là chính xác và phù hợp pháp luật.

[3]. *Về tính chất của vụ án:* Do không có nghề nghiệp ổn định, lợi dụng sở hữ của người bị hại nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị H để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của chị H, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây hoang mang cho người dân, xem thường kỷ cương pháp luật. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm để răn đe giáo dục phòng người chung.

[4]. Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là hoàn toàn đúng đắn, còn về quan điểm đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo của người bào chữa là chưa chính xác vì bị cáo là người có nhân thân xấu.

[4]. Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tình tiết tăng nặng TNHS, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã bị thu hồi trả lại cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ TNHS cho bị cáo, mẹ bị cáo là bà Trương Thị T là đối tượng khuyết tật đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo nghị định 136/2013 của Chính phủ, ngoài ra bà T và bị cáo N là người đang trực tiếp thờ cúng liệt sỹ Trương Hữu Văn – Anh Trai bà T. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Khi lượng hình cũng nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Nhưng dù sao với nhân thân là người nghiện ma túy, đang thuộc danh sách đối tượng theo dõi nghiện của Công an phường Quảng Châu, năm 2012 bị cáo đã từng bị tòa án huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Căn cứ vào tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn, chưa có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì

[7] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS; Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Điều a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Đức N phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Đỗ Đức N 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản và không đề nghị gì thêm.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- VKS tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phong

